

KINH TỶ-LÔ-GIA-NA PHÁP THỨ TỰ CÚNG DƯỜNG THỨ ĐỆ PHÁP SỐ

QUYỂN HẠ

PHẨM THỨ BA: CÚNG DƯỜNG NGHI THỨC

Giải thích phẩm này cũng chia làm bốn phần.

1. Giải thích tên gọi:
2. Nguyên nhân phát sanh phẩm.
3. Tông thú.
4. Giải thích văn

1. Giải thích tên: gọi người tu đạo cúng dường hợp với biển Thánh, biển Thánh hoan hỷ thọ nhận. Bắt đầu cúng, một thứ cúng, các thứ cúng dường đầy đủ cả biển Thánh, cho nên nói phẩm cúng dường nghi thức; gọi là cúng dường có ba thứ.

a. Ngoại cúng dường: nghĩa là: hương, hoa, thức ăn uống, cho đến thấp đèn trang nghiêm đạo tràng, v.v....

b. Hạnh cúng dường: nghĩa là như lời dạy vâng làm, cho đến lễ bái giữ giới....

c. Lý cúng dường: nghĩa là tâm trú pháp thể không phan duyên bên ngoài.

2. Nguyên nhân phát sanh phẩm này: phẩm trước giữ gìn che chở người giữ giới, chính là khi cúng dường, cho nên có phẩm này.

3. Tông thú: hết lòng cúng dường Bốn tôn, bốn tôn lãnh thọ, lấy đó làm Tông; đời sau thành Phật là Thú.

4. Giải thích văn: cũng có hai môn, trước là nêu nhiếp tụng, sau là nói riêng (biệt thuyết).

Nhiếp tụng có: ba bài rưỡi.

- Câu một nói: chánh nghiệp như thế thanh tịnh thân mình, là thuộc về biệt thuyết, hiện tiền quán chữ “la”... có ba bài kệ rưỡi.

- Câu hai nói: trụ định quán bốn chân ngôn chủ: là thuộc về biệt

thuyết, đầu tiên ở hạ vị cho đến tùy loài mà tương ứng.

- Thứ ba: hoặc quán các Đức Phật thắng sanh tử v.v... gồm hai câu, thuộc về biệt thuyết, như quán thế tự tại cho đến nương vào pháp trước mà chuyển.

- Thứ bốn: Dùng chân ngôn ấn mà triệu thỉnh: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết sau dùng chân ngôn ấn cho đến chúng sanh tâm không lạnh.

- Thứ năm: Trước nêu đấng thị hiện Tam-muội-da: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, sau tôn thờ Tam-muội-da cho đến các Minh vui mừng.

- Thứ sáu: Cúi đầu dâng hiến nước át-già: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, nước Át-già dâng lên cho đến Tam-ma-sa-ha.

- Thứ bảy: Hành giả lại hiến tòa chân ngôn: gồm một câu, thuộc về biệt thuyết, kể đến là vãng trải tòa cho đến chính là ấn Liên hoa.

- Thứ tám: chân ngôn tương ứng trừ chướng, lại dùng ấn bất động tuệ lực: gồm hai câu, thuộc về biệt thuyết, kể đến phải xa lánh trừ bỏ cho đến tất cả đều được hô trì khắp.

- Thứ chín: Kể đến nêu cúng dường hương hoa v.v... gồm bốn câu, thuộc về biệt thuyết và và cúng dường khác cho đến cuối phẩm không nên phỉ báng, sanh nghi ngờ hối tiếc.

Y cứ theo biệt thuyết thì:

Đoạn một: Lược nói nơi tâm năng quán an trụ và nơi Bản tôn sở quán an trụ.

Trong đoạn thứ hai: có năm phần.

a) Ba bài tụng và ba chân ngôn: là thế giới thành tựu môn.

b) Luân này như Kim cương cho đến chữ A đặt trong đó: là trang nghiêm đạo tràng môn.

c) Nên chuyển chữ A cho đến tự nhiên phát kế quan: là Thành họa Đại nhật môn.

d) Hoặc Thích-ca Mâu-ni cho đến nơi chân ngôn giả an trụ: là thành họa Thích-ca môn.

e) Hoặc trì Diệu cát tường cho đến chữ mãn là thành họa Văn-thù môn.

1. Sơ môn, đầu tiên ở hạ vị: có thể thành phong luân của thế giới. Phong luân ấy: là chữ “Ha”, chỗ bắt đầu đặt nửa vầng trăng.

- Hắc quang diệm chiếu khắp: đó là ánh sáng chữ “Ha”. Chữ Ha ở trong Chân ngôn môn, chữ Ha là cờ Bồ-đề, cũng là năng lực tự tại, giống như vị Đại tướng có thể phá tan kẻ thù, lại nữa, chữ “Ha” là tâm

Bồ-đề quý báu, giống như Ma-ni vương có công năng đầy đủ tất cả mong cầu.

- Kế là ở trên: có thể thành thế giới thủy luân.
- An thủy luân: chữ “phạ” đã đặt vàng trắng tròn.
- Tuyết nhũ: là màu trắng tròn.

- Phả chi nguyệt điện quang: là màu chữ Phước, chữ “phạ”, là nghĩa các pháp lìa ngôn - thuyết, vì “sinh” không thật có. Vì sao sanh không thật có? Vì tự tánh thanh tịnh tức là thân Kim cương tát-đỏa, cho nên bền chắc không hư hoại, “bách phi” không thể vượt qua.

- Ở trên thủy luân: là địa luân.
- Kim cương luân: Luân ở bốn phía chữ A.
- Chũu bản sơ: là chữ A.
- Mầu vàng: màu chữ A.

- Tỳ-lô-giá-na chân ngôn tâm môn: Tỳ-lô-giá-na nói chân ngôn tâm. Do các chân ngôn v.v... như trên tùy trong mỗi chân ngôn có chân ngôn căn bản, Chân ngôn Tâm, chân ngôn tùy tâm, những thứ như thế vô lượng vô biên không thể đếm hết; nay nói chung chân ngôn tâm, tức chữ A này là nghĩa các pháp vốn bất sanh. Nếu lìa tiếng A thì không có chữ khác, tức là mẹ của các chữ, tức là chỗ sanh ra tất cả chân ngôn, nghĩa là tất cả pháp môn và tâm Bồ-tát v.v... đều từ tự thể Tỳ-lô-giá-na, vì muốn nhiều lợi ích cho chúng sanh, nhờ năng lực gia trì mà hiện ra việc ấy. Nhưng thật ra ngay nơi thể bất - sanh, đồng với pháp thể của chữ “A”. Chữ này ở trong chân ngôn rất thượng diệu (nhiệm mầu hơn cả) cho nên hành giả chân ngôn thường phải thọ trì như thế, vì thế tất cả chân ngôn trú trong chữ A vẫn trụ ở đây, cho nên đọc tụng liền sanh đức tất cả chữ khác.

2. Trang nghiêm đạo tràng môn.

- Như Kim cương: là như lý.
- Đại Nhân-đà-la: là lý đầy đủ nghĩa đức.
- Đều lưu xuất cùng khắp: là ánh sáng do chữ A đã xuất ra.
- Ở trong đó: chỗ xuất ra ánh sáng.
- Đạo sư các Phật tử: Tôn vị do ánh sáng làm ra.
- Thủy: có khả năng quán định.
- Bạch: là lý vốn bất sanh.
- Liên: là lý lìa nhiễm trước.
- Sắc mầu: là lý sáng suốt
- Kim cương hành: đều là lý.
- Tám tánh: lược hiển bày đức của Phật Tỳ-lô-giá-na.

- Có tua nhụy: hằng sa tánh Đại bi (tánh đại bi nhiều như cát sông Hằng).
- Các báu: là lý đức nhiều như cát sông Hằng.
- Thường xuất vô lượng quang: Phật, Bồ-tát trên Phật phát ra.
- Trăm ngàn các hoa: là chỗ ngồi của vị hóa chủ.
- Ba bài tụng bên phải hiện bày đức chữ A.
- Trên kia dùng bốn bài tụng dưới để hiển bày đạo tràng trang nghiêm.
- Toà Đại giác sư tử: tức là nghĩa Sư tử có khả năng hàng phục phiền não.
- Bảo vương: là có công năng đầy đủ nguyện của chúng sanh.
- Cung điện lớn: là cung pháp giới Kim cương.
- Cột báu: là các Ba-la-mật.
- Cờ lọng: Cờ có khả năng hàng phục, lọng: có thể làm lợi ích.
- Tràng-châu: là phương tiện Ba-la-mật...
- Bảo y: là nghĩa lìa lỗi. Vì sao?
- Vì mình tự lìa lỗi và lìa lỗi cho người.
- Hương: là giới.
- Hoa: là tuệ.
- Vân: là là chậm chậm.
- Các báu: là bốn pháp nhiếp như: Bố thí, v.v...
- Các thứ hoa: là bốn tâm vô lượng như: từ bi, v.v...
- Nghiêm địa: sanh thành Phật trí trụ trì.
- Lăng xăng: là nghĩa nhiều thứ bày ra.
- Âm thanh được ưa thích: là không những có vật báu mà có thể thường phát ra âm, các âm thanh thường, lạc, ngã, tịnh.
- Các âm nhạc: người nghe nhĩ căn được thanh tịnh.
- Hiền bình: Tất cả đều có trí tuệ.
- Át-già: có công năng rửa sạch bụi phiền não.
- Hai bài tụng: “Cây báu nở hoa trở xuống”... là hiển bày tài năng và công đức của vị Hóa chủ.
- Câu đầu là hiển bày ngay tài năng của vị Hóa chủ.
- Đèn Ma-ni: là mẫu vàng ở cõi Diêm-phù-đề.
- Tam muội: là định.
- Tổng trì: là tuệ.
- Tam-muội, tổng trì tức là địa.
- Thế nữ: tức là trí bát-nhã. Trí: nghĩa là có công năng nuôi dưỡng.

- Phật Ba-la-mật: là chân ngôn Phật bộ.
- Đẳng là nhận lấy bình đẳng các Kim cương.
- Hoa mẫu Bồ-đề trang nghiêm: là chân ngôn Liên hoa bộ, Bồ-đề là Sở giác, hoa Diệu nghiêm là Năng giác.
- Phương tiện: là thích ứng với căn cơ.
- Chúng kỹ: là năng thuyết.
- Pháp âm nhiệm mẫu chân ngôn các Đức Chư Phật.
- Một bài tụng: Dùng năng lực công đức của ta trở xuống là hiển bày công đức pháp lực của tự, tha có thể biết. Trên giải thích sự sâu kín của đạo tràng trang nghiêm, giải thích cạn lược có thể biết. Phát nguyện thì như trên đã nói.

Tiếp theo là giải thích hư không tuế chuyển Minh phi chân ngôn môn. Kinh chép: Lúc bấy giờ, Như Lai lại nói: Hư không tạng lực, hư không tàng chuyển, minh phi chân ngôn rằng, giống như hư không không thể phá hoại, tất cả không thể hơn được cho nên gọi là năng lực hư không v.v...

- Lại, tàng: như người có kho báu lớn, tùy theo ai muốn dùng bao nhiêu thì tự tại lấy, không để bị nghèo thiếu. Kho hư không của Như Lai cũng giống như thế. Tất cả sự lợi ích của chúng sanh đều từ trong đó lưu xuất ra, vô lượng pháp báu lấy xài dùng tự tại mà không cạn hết, vì thế nói là hư không tạng.

- Chuyển Minh: Chuyển là nghĩa năng sanh, năng sanh tạng này, năng sanh tất cả Phật sự.

- Như bi nguyện đã phát trước kia: nghĩa là như khi dâng một cành hoa cúng dường, vận tâm khắp tất cả các đức Phật và Thánh, phàm, đều dâng cúng rồi liền hồi hướng trí “nhất thiết trí”.

- Những người nhận ta bố: Nguyện đem năng lực này khiến con được nguyện như trên, nguyện như thế rồi, lại thêm vào chân ngôn này thì đều thành tựu. Ban đầu lễ kính tất cả các Đức Phật và những môn khéo tát-phạ-tha, khiếm-ổ-đặt-yết-đế, tát-phán-la-ê-môn, già-già-na kiếm, đây chính là nghĩa năng lực hư không, đối với tất cả “pháp không” mà sanh ra vật này, khắp lợi ích cho tất cả chúng sanh. Người trì tụng môn này tùy theo dâng một cành hoa lên cúng khắp cả pháp giới, trên dâng cúng tất cả Thánh, Hiền, dưới bố thí tất cả hữu tình rồi, bên trong phát nguyện lớn như trên, lại thêm chân ngôn này thì đều được thành tựu; như từ trong kho tự lấy vật báu đều tùy theo ý mình. Tụng môn này ba biến, tùy theo sự nhớ nghĩ kia cũng đều thành tựu, hễ dâng cúng hoa v.v... thì dùng ba thứ năng lực hồi hướng và lại thêm “Minh” này, thì tất

cả đều theo ý muốn thành tựu cả, nghĩa là dâng hoa cúng dường tất cả các Đức Phật v.v... thì tự tại thành tựu.

- Do đây trì tất cả: Đây là chân ngôn ấn. Tất cả là chỗ dâng hiến cúng dường.

- Chân thật: Như trong cung pháp giới Kim cương cúng dường.

- Hai câu: Tất cả pháp bất sanh v.v... là hiện bày nghĩa chữ “A”.

- Tưởng niệm: là tâm năng quán

- Đặt ở trong đó: là tám cánh sen trong đài.

3. Thành họa đại Nhật môn.

- Kế nêu chuyển chữ A: Kế là pháp vốn bất sanh, dứt ngôn, vắng tướng, tâm hành cũng diệt, giả nói là cường đạo, pháp đại bi ứng cơ hiện bày, nghĩa là có công năng hiện chữ “A”. Kế nêu lưỡng tức, chúng sanh là lưỡng tức, tức chuyển chữ A thành “Lưỡng tức tôn” cho nên nói kế nêu chuyển chữ A thành “Đại nhật Mâu-ni”.

- Ánh sáng tròn đầy: Ánh sáng mặt trời tròn đầy giống như chiếu gương sáng, ở trong gương sáng đều hiện ra muôn vật, hướng gì ánh sáng tròn đầy của Như Lai bụi trần vốn không sanh khởi.

- Thiên giới: là Tam thiên đại thiên thế giới.

- Tăng số: là đại thiên làm một số, cho đến không thể nói không thể nói.

- Quang diệm: nghĩa là pháp gây ra.

- Lưu xuất: là từ Đại Nhật phát ra.

- Luân: là nghĩa đầy đủ các đức, nghĩa là hàng phục phiền não, sanh ra mầm lành nên gọi là “chuyển”.

- Quang minh: là thân nghiệp.

- Giúp khai ngộ: vì khẩu nghiệp cho nên nói thân ngữ trùm khắp tất cả.

- Mầu vàng Diêm-phù: từ ao Diêm-phù xuất ra vàng, ao này ở gần bên cây Diêm-phù, do đó mà đặt tên, ở trong các loại vàng nó quý hơn tất cả.

- Ngõi Kiết-già: phạm phương pháp ngồi trong chùa của bậc Thánh thiện, Tam tạng hòa thượng phía mặt nhận thọ, chân trái trước đặt lên đùi chân phải, sau đó chân phải đặt lên đùi vế chân trái, gọi là Liên - hoa - tọa, một chân đặt lên vế chân trái, gọi là cát tường tọa. Ngõi khác đây không phải bậc Thánh ngồi, nếu muốn tu đạo Bồ-đề học theo cách Đức Phật ngồi mới đúng.

- Thọ chánh: là nhập định tướng.

- Các độc: là tướng ba độc.

- Y tiêu học : là lụa có vân màu vàng.

Tự nhiên phát kế quan: không phải do người làm ra.

4. *Thành họa Thích-ca môn*: Kia ở trong tám cánh sen trong đài sen.

Tưởng chữ bà: chữ Phạn đặt trong đài kia.

Cần Dũng: là tên khác của Đức phật

Ca-sa: là màu cần-đà (màu vàng sẫm)

Tứ bát: là ba mươi hai tướng; Thích-Ca chủng tử tâm chân ngôn môn.

Bà: là ba cõi.

Bên cạnh có hai chấm nghĩa là từ bỏ nghĩa Ba cõi.

Du già: Hành giả có thể quán tâm sở quán bốn tôn, không lìa nhau, không năng sở riêng biệt, có tướng quán, thân tâm hành giả tức là Phật, cho nên vô tướng niệm tụng môn.

- Nhập: là hiểu.

- Bản thể: chỗ sanh ra hóa - thân, tức là Đại Nhật tôn, thể dụng không khác, do đó Kinh Niết-bàn chép: Hóa thân tức là pháp thân, nghĩa kia chính là đây.

- Lưu xuất: hoặc nhiều hoặc ít cũng đều như thế.

- Trên đóa sen bên phải Phật: được Bồ-tát làm bốn tôn là tự bốn tôn.

- Chấp: ở trong tay có Kim cương cho nên nói là chấp Kim cương.

- Trong đài hoa trước sau: không chỉ trước sau mà theo hai bên phải trái cũng được. Vì sao? Vì Bồ-tát là vị đại quyền thuộc không có phương hướng; Kim cương quyền thuộc không những hai bên trái phải mà theo mười phương cũng được. Vì sao? Vì Kim cương trong quyền thuộc, Như Lai trong đức. Hỏi: Nếu như thế vì sao nói có phương? Đáp: nói về vẽ chỗ, sự thì có giới hạn. Vì thế kinh nói Bồ-tát trong mười phương, từ phương nào đến, ngồi kiết già nghe nói pháp; Kim cương cũng giống như vậy, dụng tâm không thể suy lường.

- Chân ngôn giả: là người niệm tụng.

- Chỗ ở góc dưới bên phải đất tượng vẽ.

- Hỏi: có cần phải vẽ tất cả Phật không? Đáp: Không.

- Hữu lực: khiến cho hết (tất cả).

- Người không có năng lực: chỉ vẽ đức Bốn tôn còn khó, hướng gì vẽ tất cả Phật.

5. *Văn thù chủng tử chân ngôn môn*.

- Chính giữa: là đài hoa tám cánh.

- Chữ Vô ngã, Tiếng Phạn là chữ “Man”.

Hỏi: Vì sao dùng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, kế Đức Phật mà nói?

Đáp: Tam Tạng Hòa-thượng ở bên cạnh mà thọ nhận trí môn sâu xa của các Đức Phật, thuộc về Phật bộ cũng được, thuộc về Liên hoa Bộ cũng được, vì thế Đức Phật lần lượt bày ra vậy, nhìn bản thể Văn thù chính là “không”. Xét ở trên là “không môn”. Cái gọi là Đại không. Vượt qua mười tám không gọi là Đại không.

Trong đoạn ba có ba môn: thứ nhất là nêu bày nhiều thứ, kế đến là khiến tâm vui mừng, cho đến tùy theo loại mà tương ứng, hiển bày ấn chân ngôn kiết giới...

- Tâm hỷ: người tu hành do cúng dường cho nên được phước, bậc Thánh vui lòng, chẳng phải bậc Thánh được cúng dường mà vui lòng.

- Ba câu, dâng hiến... là nương vào phép tắc bản khác, nghĩa là xuất ra chân ngôn cúng dường v.v... như không phải tự pháp mà nương vào Bất - Động để trừ bỏ trần cấu.

- Ty ỹ trừ: là nghiền nát “Chướng ngại”.

- Sử quang hiển: là hương, dùng để gia trì hương chân ngôn, nói là bổn pháp tự giúp thêm.

- Ba câu, và giữ gìn thân mình v.v... bản khác tự có pháp hộ thân v.v... hộ thân nếu không phải pháp khác thì dùng chung pháp này, vì thế nói hoặc dùng để hàng phục ba độc, và nghĩa khác của các tướng. Vì sao? Vì hương chân ngôn và hộ thân chân ngôn khác nhau cho nên đề cập.

- Bốn câu, Triệu thỉnh vv... bản khác tự có nương vào pháp để sử dụng, nếu không có pháp riêng thì dùng chung pháp này, do đó nói đến ấn phổ thông này v.v...

- Thánh giả Bất động chân ngôn môn: là khi Đức Phật lại tất cả vì dứt chướng ngại.

- Hỏa sanh: gọi là chứng Tam-muội. Nói đại tội này làm chướng chân ngôn, chân ngôn này có thể lực lớn, hành giả tu hành chân ngôn thì trừ được các chướng nạn, cho đến Đức Phật ở dưới cây thành đạo, đều dùng chân ngôn này nên tất cả ma quân đều tan hoại, huống gì các chướng ở thế gian. Lại nữa, chướng này có hai thứ.

1. Nội chướng: nghĩa là từ tâm mình sanh ra, loại ấy rất nhiều không thể nói rõ.

2. Ngoại chướng: nghĩa là từ việc ngoài mà sanh, cũng rất nhiều, đều có thể diệt trừ.

- Chiến-đồ: là rất ác, có chỗ nói hung ác nhất trong các thứ hung ác. Ma-ha-lô-sất-noa: là rất giận dữ. Bà-phả-tra-dã: là phá hoại. Hạp: là sợ hãi. Đát - la - ca: là Vững chắc, Hàm-mạn: là không ngọt, dùng hai chữ sau này làm hạt giống, các câu dưới nghĩa đều thành tựu.

Ban đầu chiến-đồ: Chiến là nghĩa chết. Nhập tự môn A: là nghĩa vốn bất sanh tử. Đồ: là nghĩa chiến, do chủ của Vô sanh tử này có thế lực rất lớn, đánh nhau với các tứ ma.

Tiếp theo, Ma: là nghĩa tôi, ta, nhập tự môn A là “Vô ngã”, cũng là “không”.

- Ha: là nghĩa hỷ, cũng là nghĩa hành.

- Lô có chữ La: là bụi chướng. Có tiếng ở là tam-muội.

- Sắc: Tức là Xa-ma-tha nghĩa là tam-muội.

- Noa: là chữ thứ năm, tức là tam-muội Đại không.

- Tát: là nghĩa bền chắc.

- Phả: là nghĩa bọt nước, đã biết thế gian như bọt nước nhóm họp, cho nên dễ tan biến. Bên cạnh có dấu chấm chữ A tức là hành.

- Tra: là nghĩa chiến, có thể trận chiến sợ hãi khiến phá hoại, là thừa (cỗ xe).

- Hàm: là tam-muội Đại không hành, như trên đã nói.

- Đát: là như như.

- La: là không bụi bặm

- Ca: là làm, nghĩa là tất cả pháp không tạo tác.

- Chữ Hàm, ha: nghĩa là hành, lại có thanh A, là ma chướng sự Kim cương tam-muội.

- Điểm: tức là Đại không, vì hạnh đại không bất định này, làm cho tất cả ma chướng rất sợ hãi.

- Chữ Sưu, ma: là nghĩa ngã, nhập vào tự môn A tức là nghĩa ngã. Lại vì Đại không vô ngã tam-muội này làm các ma sợ, lại chữ này có thanh A và dấu chấm.

- Bốn chữ: Ha, Lô, Hàm, Lũ đều có thanh A, tức là vô hành vô cấu (không tạo tác, không bụi dơ) là nghĩa lớp lớp làm cho ma sợ, hai chướng trong ngoài rất sợ.

Ở trên, Thánh giả bất động chủ chân ngôn đã xong.

Trong đoạn bốn, có tụng chân ngôn ấn, tiếp đến chân ngôn ấn cho đến chúng sanh tâm không lành.

Triệu thỉnh phương tiện chân ngôn môn: Nam Ma Tam Mạn Đa Bội Đà Nẫm (quy mạng hết thủy chư Phật). A (hành) Tát Phạ Đát La Bát La Để Ha Đế (tất cả chỗ hại) Đát Tha Yết Đa (Như Lai) Cự Xa

(tìm) Bát lý Bồ La Ca (đầy đủ).

- Hành trong đây: nghĩa là do thực hành môn này mà được nhận lấy công đức lớn của các Đức Phật. Như ở đời tìm xét thì có phân chia nơi, chỗ, không thể khắp mọi nơi mà thực hành thỉnh mời. Nay Như Lai câu thì không như thế. Cùng khắp đến tất cả không chỗ nào không che chở, cho đến có thể với lấy quả Bồ-đề, tóm lại, thấy đều đầy đủ tất cả công đức Như Lai, mời khắp tất cả chúng sanh, cũng giúp cho đắc đạo. Vì vậy:

Câu tiếp theo nói: “Khắp tất cả”.

- Hại: tức là tìm lấy điều xấu ác, hại khắp tất cả người không điều phục, đều khiến đối với hạnh Bồ-đề thẳng đến, diệu quả được tròn đầy.

Trong đoạn này: Tam-muội-da chân ngôn môn, có tụng, ấn, chân ngôn.

- Chư Minh: là Bốn Tôn.

- Trong đoạn thứ sáu: có tụng chân ngôn.

- Trước dùng dụng cụ trang nghiêm đầy đủ: là đem chuyển hư không tạc thành minh ấn, dùng các hương hoa, ngũ cốc (gồm năm thứ: gạo, lương, thức, mạch, tấc) và năm thứ thuốc vận dụng trong lòng trang nghiêm đầy đủ, hiện ra việc trang nghiêm đầy đủ có thể biết.

- Dùng chân ngôn ấn gốc là chân ngôn Bất động tôn ấn.

- Át-già chân ngôn môn: là nghĩa ở trong một câu bên phải.

- Già-già-na: là nghĩa Hư không.

- Bà-ma: là nghĩa Đẳng.

- A-bà-ma: là nghĩa Vô đẳng, tức là “đẳng hư không vô đẳng”.

Pháp thân Như Lai vốn thanh tịnh, không có sự phân biệt cho nên không có bờ mé sánh đồng hư - không, nhưng lại có công đức vô lượng vô biên không thể suy nghĩ bàn luận, không phải hư không kia đã có thể ví dụ, cho nên nói là “Vô đẳng”, lại nữa “A-bà-ma” là nghĩa “bất đẳng”, bất đẳng ấy có chỗ nói là Nhị - thừa, nay đã sánh bằng hư không, lại đẳng này là Vô đẳng, vì thế nói “đẳng hư không vô đẳng”.

Trước hết chữ Già này là thể chân ngôn. Trong thế giới chúng sanh sự đến đi cũng không thật có, trong pháp giới sự đến đi cũng không thật có, do đó gọi là “đại không”. Dùng nước Đại không tánh thanh tịnh này, tắm gội thân Vô cấu, đó là “Át-già chân thật ngôn”.

Trong đoạn thứ bảy: Có tụng chân ngôn ấn.

- Chứng Bồ-đề tối thắng: là người tu hành có khả năng đắc quả.

Như Lai tòa chân ngôn môn:

- A: là chướng.

- Bàn: có hai dấu chấm tức là trừ bỏ; ở đây chính là nghĩa dứt “cái”, “chướng”. Vì đây là tòa rớt ráo không khởi tất cả chướng. Vì sao?

- Vì chữ A là chướng, chữ A có công năng trừ chướng.

- Trong đoạn thứ tám có bốn:

1) Lại nữa, nêu dứt trừ cho đến khiến cho hết không còn dư: là nói “đức” của “Bất động tôn ấn chân ngôn”.

- Tự thân sở sanh chướng: là vọng tưởng đã sanh hai chướng trong ngoài.

2) Người trí nên chuyển tác, cho đến làm thân Kim cương tát-đỏa: là thành Kim cương tát-đỏa thân môn.

- Một bài tụng người trí v.v... là nói chung thành thân Kim cương tát-đỏa.

- Kim cương chủng tử tâm môn: Chữ Xọa là sở chuyển tự tánh thanh tịnh tâm thành chữ Kim cương chủng tử, cho nên nói các pháp lia ngôn thuyết.

Hỏi: Vì sao trong pháp cúng dường trên có dấu chấm, kinh này bên cạnh có hai dấu chấm, vậy cả hai cùng Kim cương chủng tử ư?

Đáp: Cúng dường là tự thể của pháp, kinh này hiển bày đại dụng của pháp, vì thế nói cả hai cùng chung không ngăn ngại.

- Ly ngôn thuyết: là nghĩ chữ Xọa.

- Cụ ấn: có thể sanh thành ấn Tát-đỏa.

- Đăng: chữ Xọa.

- Hai bài tụng, nên biết trở xuống là có thể đã bắt ấn.

Kim cương tát-đỏa chân ngôn môn.

Nam ma tam man đa phạt chiết la xá (quy mạng tất cả Kim cương) chiến ma (bao ác) ma ha sái xá (nghĩa là rất giận dữ) hãm (sợ hãi) chiến trà (chữ chiến có thanh già là sanh tử, nghĩa là lia sanh tử).

Trên có dấu chấm là đại không, nói sanh tử này đồng với Đại không.

- Đồ: Là chiến đấu với quân địch, giống như sanh tử đối với đại không, cho nên không thể đối lại. Nghĩa câu Chiến-đồ: là bạo ác.

- Ma-ha-lộ-sát-noa: rất giận dữ, như trên đã nói, không thể chống chọi cho nên rất giận dữ.

- Hãm: Đồng như trước đây đủ ba thứ giải thoát. Lại như trong phẩm trên nói Kim cương tát-đỏa ấn chân ngôn, nghĩa ấy như thế nào?

- Đáp: trong phẩm thứ ba thành tự thể của Kim cương, trong phẩm thứ

hai thì hiện bày dụng xoay bánh xe chánh pháp của Kim cương này.

Hỏi làm sao mà biết?

Đáp: Thuyết Kim cương chủng nói rằng: người trí phải chuyển thành thân Kim cương tát-đỏa, sau nói chữ “Khiếm” tức là ngón, trước nên trú trong tự môn này, sau đó làm thân Kim cương tát-đỏa, cho nên biết chưa làm thân Kim cương tát-đỏa thì không làm chuyển pháp luân ấn chân ngôn. Hỏi: Khi nào làm thân Kim cương? Đáp: Trước khi nhập Phật Tam- muội- da khiến làm thân năm chữ v.v....

- Kim cương tát-đỏa chân ngôn: là bắt ấn và đã tụng chân ngôn.

- Làm bán Kim cương ấn: tay phải không rãnh thì làm phân nửa cũng được.

- Khế kinh khác: là bản kinh khác.

- Kim cương khải tự: Thành áo giáp Kim cương dùng để giữ gìn ấn và hộ thân.

- Trước đã nói: giữ gìn ấn.

- Chữ Khư và dấu chấm: là tự môn Khiếm trên đỉnh của Kim cương. Bên phải chẳng phải chỉ có thân Kim cương trang nghiêm, mà hành giả niệm tụng cũng trang nghiêm.

- Khiếm tự môn chân ngôn.

- Khiếm: là hạt giống rất siêng năng mạnh mẽ; Đức Phật ngồi đạo tràng hàng phục các ma, tất cả trời, người hiệu là “Đại Cẩn Động” (rất siêng năng động mãnh), tức là “Tỳ-lô-giá-na”.

- Khư là nghĩa không, trên có dấu chấm là đại không, vì đại không thanh tịnh nên tất cả đều không.

Nam ma tam mạn đa bột đà nẫm (đồng như trước), ba lần nên nhất tâm làm, cho đến chắc chắn đều lùi, mất.

3) Là hai bài tụng, tổng kết thành tự Giác Kim cương Hành giả thân hàng phục ma chân ngôn môn, đại ấn của tất cả Phật này có khả năng hiện ra đại thế lực oai mãnh của Như Lai, làm cho tất cả sợ hãi, gây chướng nạn, khiến kia hàng phục, cũng có thể ban (cho) tất cả chúng sanh điều nguyện. Hành giả khi kết thúc ấn này thì chướng nạn ấy đều chạy tán bốn phương, cho đến năng lực lớn như thiên ma quân chúng cũng lùi mất. Ở Bồ-đề đạo tràng Như Lai dùng ấn này để hàng phục các ma.

- Chân ngôn quy mạng như trước.

- Ma ha mạn la phạt để (đại lực).

- Đà xa phạt lộ (mười lực).

- Ốt bà phê (đắc).

- Ma ha muội đất lý dã (hiệp ba, là đại từ).

- Tỳ dữu ốt nghiệt đế (phát sinh).

Ý này nói năng lực rộng lớn của các Đức Phật. Năng lực lớn này là những năng lực nào ư? Tức là Mười- lực của Như Lai, vì trong tất cả năng lực thì năng lực này hơn hết cho nên gọi là đại (lớn), Như Lai dạy: làm sao được mười lực này? Nghĩa là nhờ tâm đại từ mà được mười năng lực này, vì thế nói năng lực này từ Đại từ sanh ra.

4) Thứ dụng trở xuống cho đến tất năng phổ hộ: là kết đại giới chân ngôn môn.

Kế là kết đại giới chân ngôn các Đức Phật đã dạy, còn có vô lượng trì minh, e lại có trì minh chân ngôn v.v... vì không kết hộ cho nên có thể phá pháp- sự, tổn hại người trì tụng, do đó thiết lập pháp kết giới này, nhờ kết giới này nên các trì minh cũng không thể phá hoại. Giống như tỳ-kheo kết giới làm pháp sự, tỳ-kheo ở ngoài giới, tuy tác pháp không thể ngăn phá được.

Tát pha đa la nỗ nghiệt đế (tất cả nơi chốn, phương hướng, nghĩa là mười phương đều phải kết khắp, lại theo phương hướng đều cùng khắp).

Mãn đà dã đồ nắm (theo gốc câu trên, trở lại kết giới câu dưới, ý này nói: tất cả phương hướng, nơi chốn đều kết giới). Ma ha tam-muội-da (là Đại tam-muội-da, do Đại tam-muội-da này mà kết các giới). Niết xá đế (là từng sanh. Nghĩa là từ Đại tam-muội-da mà sanh ra). Sa ma la nễ (tôi tớ đều nhớ nghĩ trở lại, nghĩa là nhớ nghĩ đến tất cả giáo pháp của các Đức Phật). A bát la để ha đế: không thể hoại, cũng nói là vô quá ngại, cũng là không thể hư hoại. Nhờ kết giới cho nên không thể hư hoại. Đà-ca-đà-ca: ánh sáng tôn nghiêm, do ánh sáng tôn nghiêm cho nên thành kết giới. Đà: là pháp giới (Ca: là nói “tác”; Thể pháp giới lia các khởi tác, lia khởi tác là nghĩa pháp giới). Chiết-la-chiết-la (Già là nghĩa tiêu, nghĩa là sanh tử đời đời). La: là Cấu chương, tóm cả câu cũng là thực hành xong, đó là kết khắp cả mười phương thế giới, cũng là đến đi, lại nói chính là đến nhanh). Mãn đà mãn đà (giải thích nghĩa để kết thúc câu, trên là nghĩa phước, dưới thì không, do không trói buộc cho nên sánh bằng hư không, nhờ kết giới này cho nên không hư hoại). Nại xa (niệm mười tiếng) Nhĩ chuyên (là phương, tức là mười phương). Tát bà đất tha nghiệt đa (tất cả các Đức Phật). Nỗ nhượng đế (giáo, là tất cả giáo pháp của Đức Phật, trước đã khiến ghi nhớ). Bát la phạ la (sở chứng), Đạt ma (pháp, tức là pháp mà các Đức Phật đã chứng), Lạp đà (là hoạch, là đắc, là chứng). Vĩ nhược duệ (tức là Vô năng thắng,

cao hơn tất cả trong các chương). Bạt già phạ đễ (tức là chủ chân ngôn, khen ngợi Đức Thế Tôn). Trưng cự lý (trừ, có khả năng dứt trừ bụi trần, ở trước khuyên trừ, cũng là khuyên chớ làm). Vi cự lệ (trừ, câu trước trừ bụi có hình tướng, câu sau trừ bụi lìa tướng, tức là trừ tất cả chương, tức là chớ làm chính là trừ). Lệ (hạt giống). Lỗ (dẫn trước), Bồ (nghĩa câu đó là nhà lớn, là nơi chốn. Do pháp thân chân thật trừ diệt bụi trần hình tướng). Tức là nhà lớn của các Đức Phật đã ở, khiến đồng pháp giới này. Lại thêm chữ Vi cự lệ; chỉ dùng chữ Lệ cuối cùng trong câu này làm hạt giống; La: là tướng, thêm âm “ế” này tức là tam-muội, tam-muội lìa tướng, đủ tất cả tướng mà lìa các tướng, đây là thể tướng của giới.

Thứ đến là nói lược về chân ngôn môn: Nam ma tam mạn đa bột đà nam (quy mạng như trước). Trong Đại giới này, nói từ khi bắt đầu phát tâm Đại Bồ-đề cho đến thành Phật, trong khoảng thời gian đó không để dứt quãng, không trở lại sanh tử, không lui sụt Bồ-đề, tức là nghĩa “Đại giới”. Cứ nghĩa; Lệ (tam-muội lìa tướng). Lỗ (Chớ sửa hai tiếng bày ra hai ngã tướng). Bồ (Đệ nhất nghĩa là nghĩa thứ nhất không thật có). Lý (lìa cấu). Vi (là lìa trói buộc), Cự (cự âm là tác), Lệ (là lìa tướng). Bảy chữ này đều là tam-muội, dùng các tam-muội này mà làm trang nghiêm, không còn gì hơn được. Đây là Đại giới của các Đức Phật.

Trong đoạn thứ chín có hai môn.

1. Từ “Hoặc dùng Bất động tôn” cho đến Hãn.

Tổng Biểu thành biện môn.

2. Từ, trước cung kính lễ” cho đến Ma ha mạt lý sa ha: là “Quảng minh doanh biện môn”.

Có sáu Đà-la-ni nên biết:

1. Trong Bất động tôn chửi tụng tâm chân ngôn môn:

- Hãn hà: là hành, thanh “A” lại là hành. Dấu chấm: tức là Đại không. Nhờ trụ vị ấy có khả năng hàng phục tất cả, là tâm Bồ-đề làm đại hộ.

2. Trong Quảng minh doanh biện môn: như kinh nói: hương hoa v.v... dùng các thứ hương hoa, năm thứ báu, năm thứ thuốc và năm thứ lúa đậu, gia vào nước Át-già dâng cúng, dùng mật ấn sai tịnh, đúng như pháp gia trì vào nước Át-già, dùng Bất Động Tôn Tuệ lực ấn làm sạch nước trong Át-già, là nước sai tịnh trong tất cả cúng dường. Lại luôn tụng chân ngôn ấy, khi rãi nước tụng chân ngôn bất động.

- Các thuyết bốn chân ngôn: là các chân ngôn như chân ngôn

Hương v.v...

- Và các minh tự thọ trì. Niệm tụng là chân ngôn bốn tôn.
- Xưng danh: là hương v.v...

Đồ hương chân ngôn môn: kể đến có sáu thứ chân ngôn như: chân ngôn Đồ hương v.v... đều nhập vào Mạn-đồ-la, là những điều cần thiết khi cúng dường, vì thế ở trong phẩm này nói, trong nghĩa câu trên.

- Vi đầu đà: là nghĩa Tịnh.
- Kiện đồ: là hương

- Nạp-bà-phạ: là nghĩa phát sanh, tức là mùi thơm phát sanh.

Lấy chữ Vi ở câu đầu làm Thể. Ở trên chữ Phạ viết thêm chữ y, do đó chuyển thanh là Vi.

- Chữ Phạ: là nghĩa Kim cương, là nghĩa lìa ngôn thuyết.

- Tam-muội là nghĩa Trụ. Định tuệ ngang nhau như vậy, tức là trú vô hỷ luận chấp Kim cương tam thế vô chương ngại trì giới, như thế giới hương kia tánh vốn vắng lặng, không đến không đi, mà thường đầy đủ khắp cả pháp giới, vì thế gọi là “Tịnh đồ hương”, tất cả chúng sanh cùng có như nhau, nhưng vì chưa phát tâm cho nên hương này chưa sanh khởi. Nay ta dùng giới hương này xoa khắp pháp thân, vì thế có thể dùng hương thơm xông khắp tất cả.

Tâm liên hoa chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, ma-ha-muội-đán-ly là nghĩa Đại từ. Tỳ-dữu-nghiệt-đế: là nghĩa sanh, tức là Đại từ sanh. Vì chữ Muội là thể chân ngôn, tức là chữ “Mãng” viết thêm chữ tam-muội, “Mãng” là nghĩa tâm, nghĩa ngã, cũng gọi là Đại không, nói Hoa sen tâm này làm vọng ngã bị trời buộc không lớn lên được. Nay tự chứng biết thật tướng của tâm, vì thế tám cánh, tua, nhụy từ trong tạng từ bi lần lượt mở bày, cho nên nói từ Đại-từ sanh. Lại nữa, hạt giống cây chúa tâm thanh tịnh Bồ-đề từ trong đất từ - bi lớn lên tốt đẹp và nở hoa muôn đức, nhờ phương tiện nên mới thành thật, vì thế nói từ Đại - từ sanh. Nên dùng tự môn giải thích rộng.

Thieu hương chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, Đạt-ma-đà là nghĩa pháp giới. Nỗ-nghiệt-đế là nghĩa tùy sanh, cũng là nghĩa đến khắp, cũng là nghĩa vượt qua, nghĩa tiến lên không dừng. Giải thích rằng, đến khắp pháp giới, lấy chữ “Đạt” ở câu đầu làm thể, vì chúng sanh giới vốn bất sanh, cho đến pháp giới định tướng cũng không thật có, như thế pháp giới sâu rộng không bờ mé không thể đo lường, nhưng người tu hạnh Du-già đặc biệt tiến lên không dừng nghỉ, vì thế nhiếp thân, miệng, tâm đều khắp pháp giới như vậy, dưới đến khi dâng một cành hoa cúng dường Đức Phật cũng khắp pháp giới như vậy, tức là

nghĩa thiêu hương.

Đặng minh chân ngôn môn: trong nghĩa câu trên, Đát-tha-yết-đa là Như Lai. Ly-chỉ: là ánh sáng. Tiếp theo nói: Tát-phả-la-xọa: là khắp cả. A-phạ-bà-sa-na là các sự tối tăm. Gia-già-nhu-đà-lý-da: là không hạn lượng, giống như hư không, có ý nói: ánh sáng của Như Lai đến khắp các chỗ tối tăm, giống như hư không chẳng có hạn lượng. Chân ngôn này lấy chữ “Đa” ở đầu câu làm thể, như thật tướng ở trong tâm, tức là ánh sáng trí tuệ của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, chiếu khắp thế gian không chỗ nào không khắp. Nói các ám: là vô minh; vì vô minh vốn bất sanh cho nên thể chính là minh, do đó ánh sáng Như Lai chiếu khắp các chỗ tối tăm. Nói Đẳng hư không: Vì vô minh giống như hư không chẳng đo lường được, vì thế ánh sáng Như Lai cũng giống như hư không chẳng đo lường được, cho đến già chết cũng giống như hư không chẳng đo lường được, do đó ánh sáng trí tuệ Như Lai giống như hư không chẳng đo lường được. Như mười hai nhân duyên tất cả các pháp nói cũng giống như thế, nghĩa nhất định như vậy gọi là “Đặng minh chân ngôn; dùng “Minh” này gia trì mà cúng dường Phật thì hơn hết trong các thứ cúng dường.

Âm thực chân ngôn môn: Trước nói A-la-la nghĩa là âm thanh không đáng ưa nghe, âm thanh bất thiện như người lớn tiếng nói to khiến người nghe tâm không vắng lặng. Kế là Ca-la-la: là dừng tiếng lớn bất tịnh ở trước, nghĩa là an nhiên vắng lặng. Trong đây chính là dùng pháp hủy thiền duyệt làm nghĩa ăn, vì thế nên nhờ lời này. Nếu y cứ vào tướng chữ “luân” thì “A” là nghĩa, “Bản sở”: là gốc ban đầu, do có gốc ban đầu nên có hai thứ bụi nhỏ, đó là phiền - não - chướng và trí chướng, do hai thứ bụi nhỏ này nên có âm thanh hí luận ồn ào. Nay vì các pháp vốn bất sanh, tức là mở cửa cam lồ thành cơm Niết-bàn, vì thế gọi là A-la-la. Lại nữa, nếu người siêng tu phạm hạnh, hy vọng được pháp vị như thế. Do có tạo tác cho nên hai chướng sanh khởi trở lại, không phải là sắc lực thường hằng vị chân cam lồ, nay vì các pháp không tạo tác, cho nên nội chứng vị không từ người khác được, như ăn cháo, sữa, không còn gì sánh bằng, vì thế nói dùng các âm thanh bất thiện ở trước.

Mạt-lân-nại-da-nhị: Phàm, ở Tây phương thức ăn dâng cúng, trên là dâng cúng các Đức Phật, dưới đến loài thần quỷ, gọi chung là “Mạt-lê”, ý này là thọ thức ăn do ta cúng.

Tiếp đến nói: Mạt-lân-nại-na: Ý này nói: Thọ thức ăn do ta cúng, thọ thực rồi phải trở lại cho ta thức ăn nhiệm mầu, như người thế gian

đem thức ăn ngon cúng dường gieo ruộng phước là để cho đời nay, đời sau không thiếu cơm ăn. Nay dùng vô tận pháp thức cúng dường để gia trì cho thế gian; dâng cúng chư Tôn, lại sẽ đầy đủ sở nguyện của ta, thường đầy đủ vị bất tử, bất sanh.

Kế đến nói Ma-ha-mạt-ly: Tức là đối với các thức ăn càng thêm dồi dào ngon ngọt. Do đây phân biệt với câu trên nói: Nay vật ta dâng cúng và sự mong cầu đều cùng cực không gì sánh bằng, không vị nào hơn được, không tìm thức ăn, có hạn lượng.

- Trong đoạn thứ mười, và những người khác: là người có sức, chẳng những chỉ có năm thứ cúng dường, mà còn có cúng dường rộng lớn. Nghĩa là nước bốn biển làm ao sen, kiến lập toàn hoa sen xanh, trắng, thức ăn thơm tinh khiết, tâm không thể lường được, núi, nước, cỏ, cây, hoa, quả, trong sạch thơm đẹp gần như cõi Cực lạc, sánh đồng hư - không, bông thả mây thơm đầy khắp mặt đất, dựng cờ phướn, lọng báu, cây báu ma-ni khắp mặt đất, dùng các thứ trên cúng dường đầy đủ cho nên nói cúng dường các thứ đầy đủ.

- Y theo phép tắc này: là Bất động tôn.

- Cho nên cầm các vật: là vận tâm cúng dường.

- Ưa muốn cúng dường vật: tức là bất ấn cúng dường khắp cả, điều nguyện đều thành tựu.

- Bình đẳng như pháp giới: là như lý, cũng nói là thích hợp.

- Vào khắp trong các đường: Nhập: là hướng vào.

- Phước đức được sanh khởi: Hỏi: Từ vận tâm sanh ư? Từ Phật, Bồ-tát sanh, cũng từ chân ngôn ấn sanh ư? Đáp: chẳng phải từ một mình sanh ra, mà từ hòa hiệp sanh ra, do đó gọi là “Năng sanh”. Từ cờ phướn, v.v... cho đến cúng dường thành Phật sự.

- Các mưa: Mỗi vật cúng dường thành mây, mỗi đám mây chuyển mưa xuống các vật cúng, như vậy xoay vần không thể cùng tận. Vì sao? Vì từ lý đã sanh ra, lý không cùng tận.

- Tư duy: là Bốn tôn sở cúng

- Dùng hư không tặng mình v.v... có công năng sanh ra cúng dường pháp.

- Ba lần chuyển: ba phen.

- Trì hư không tặng mình cho đến công đức tự viên mãn, hiển bày

công đức tạng.

- Tạng: có công năng sanh ra năng tạng.
- Câu thêm lên: là hiển bày nghĩa “năng”.
- Hai câu tùy thời v.v... là người có đạo tâm trí tuệ yếu kém.

Đời này cầu tất địa: là tuệ lực mạnh mẽ mong chóng thành quả Phật.

-

- Chỉ khởi tâm: là vận tâm.
- Việc làm đã rốt ráo: là đến hiển bày tướng.
- Ngoại nghĩa quý: là sự tướng cúng dường.
- A-lê-sa: là khen ngợi công đức Phật.
- Vô đẳng vô sở động, cho đến ba cõi không chỗ nương: là khen ngợi công đức môn của Phật.

1. Một bài kệ dứt khổ.
2. Một bài kệ cho vui.
3. Một bài kệ dứt khổ cho vui không có giới hạn bến bờ.
4. Một bài kệ không có giới hạn thời gian.
5. Một bài kệ không thể che lấp.
6. Một bài kệ cứu giúp đều cùng khắp.
7. Một bài kệ không người nào không cho.
8. Một bài kệ khiến cho sinh quả.
9. Một bài kệ nguyện không cùng nghỉ.
10. Một bài kệ nhất định đều ban cho.

- Nên tụng bản Phạn: là chữ Phạn. Không được chữ Phạn dựa vào chữ đời Đường, được ý cũng giống nhau.

- Từ “Tụng trì kệ như thế khen ngợi rồi” trở xuống là sáu bài tụng rưới: là kết lời khen ngợi và kết nguyện trước, xin đặt lại giới cấm.

- Hai câu đầu: là kết trước, khởi sau.
- Hai câu kế: là nguyện xin
- Bốn câu tiếp theo: là khen ngợi đức.
- Sáu câu tiếp đến: là xin tôn kính.
- Tám câu kế tiếp: là tôn kính khởi khen
- Bốn câu cuối cùng: là khuyên đặt ra giới cấm.

Hỏi: thứ nhất, thứ hai câu nguyện, thứ nhất thứ hai khen ngợi có nghĩa như thế nào?

Đáp: trước là cầu xin quả, sau cầu xin quả dụng, trước là khen ngợi Đức Phật ta, sau là khen ngợi Hư không - tạng - minh đầy đủ các đức.
